

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An
thuộc phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An thuộc phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 08/12/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An thuộc phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 102/CV-ETNA ngày 16/12/2021 của Chi nhánh Công ty TNHH EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 7932/STNMT-BVMT ngày 20/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An thuộc phường Vinh Tân, thành phố

Vinh, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Dự án) của Chi nhánh Công ty TNHH EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh; Chủ tịch UBND phường Vinh Tân; Tổng Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN (V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY EM-TECH VIỆT NAM TẠI NGHỆ AN

(ban hành kèm theo Quyết định số: 5041/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An.

1.2. Chủ dự án

- Chủ dự án: Chi nhánh Công ty TNHH EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An;

- Địa chỉ: khối 2, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Điện thoại: 02383.529.366;

- Đại diện: ông LEE HO JUN - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

- Dự án được triển khai tại khối 2, phường Vinh Tân với tổng diện tích 30.472,7 m² có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp: xưởng Phúc Thảo, khách sạn Sao Việt và mương thoát nước;

+ Phía Tây giáp: đường giao thông quy hoạch 24m;

+ Phía Nam giáp: hành lang đường Quốc lộ 1A tránh thành phố Vinh;

+ Phía Bắc giáp: đường giao thông quy hoạch 13,5m.

- Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 450/QĐ-UBND.ĐT ngày 01/02/2016, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy EM-TECH Việt Nam tại Nghệ An tại Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 26/11/2021.

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.4.1. Quy mô của dự án

1.4.1.1. Các hạng mục công trình chính

Bảng 1. Các hạng mục công trình chính

| TT | Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Tầng cao (tầng) | Số lượng (nhà) | Giai đoạn xây dựng |
|----|---------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------|--------------------|
| 1 | Nhà xưởng số 1 | 4.807,91 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Nhà xưởng số 2 | 4.807,91 | 1 | 1 | 2 |

| TT | Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Tầng cao (tầng) | Số lượng (nhà) | Giai đoạn xây dựng |
|----|---------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------|--------------------|
| 3 | Nhà kho số 1 | 153,09 | 1 | 1 | 2 |
| 4 | Nhà kho số 2 | 77,49 | 1 | 1 | 2 |
| 5 | Nhà kho số 3 | 108,64 | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Nhà kho số 4 | 126,99 | 1 | 1 | 1 |

1.4.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Bảng 2. Các hạng mục công trình phụ trợ

| TT | Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Tầng cao (tầng) | Số lượng (nhà) | Giai đoạn xây dựng |
|----|---------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------|--------------------|
| 1 | Chòi nghỉ số 1 | 39,26 | 1 | 2 | 1 |
| 2 | Nhà an ninh | 196,94 | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Nhà để xe | 2.149,68 | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Nhà ăn số 1 | 1.178,56 | 1-2 | 1 | 1 |
| 5 | Nhà ăn số 2 | 1.183,20 | 1 | 1 | 2 |
| 6 | Nhà nghỉ công nhân | 1.299,94 | 1 | 1 | 2 |
| 7 | Chòi nghỉ số 2 | 34,44 | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Mái che nắng 1 | - | 1 | 1 | 2 |
| 9 | Mái che nắng 2 | - | 1 | 1 | 2 |
| 10 | Trạm bơm | 29,16 | 1 | 1 | 1 |
| 11 | Bể nước ngầm | - | - | 1 | 1 |
| 12 | Nhà bảo vệ | 20,48 | 1 | 2 | 1 |

1.4.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

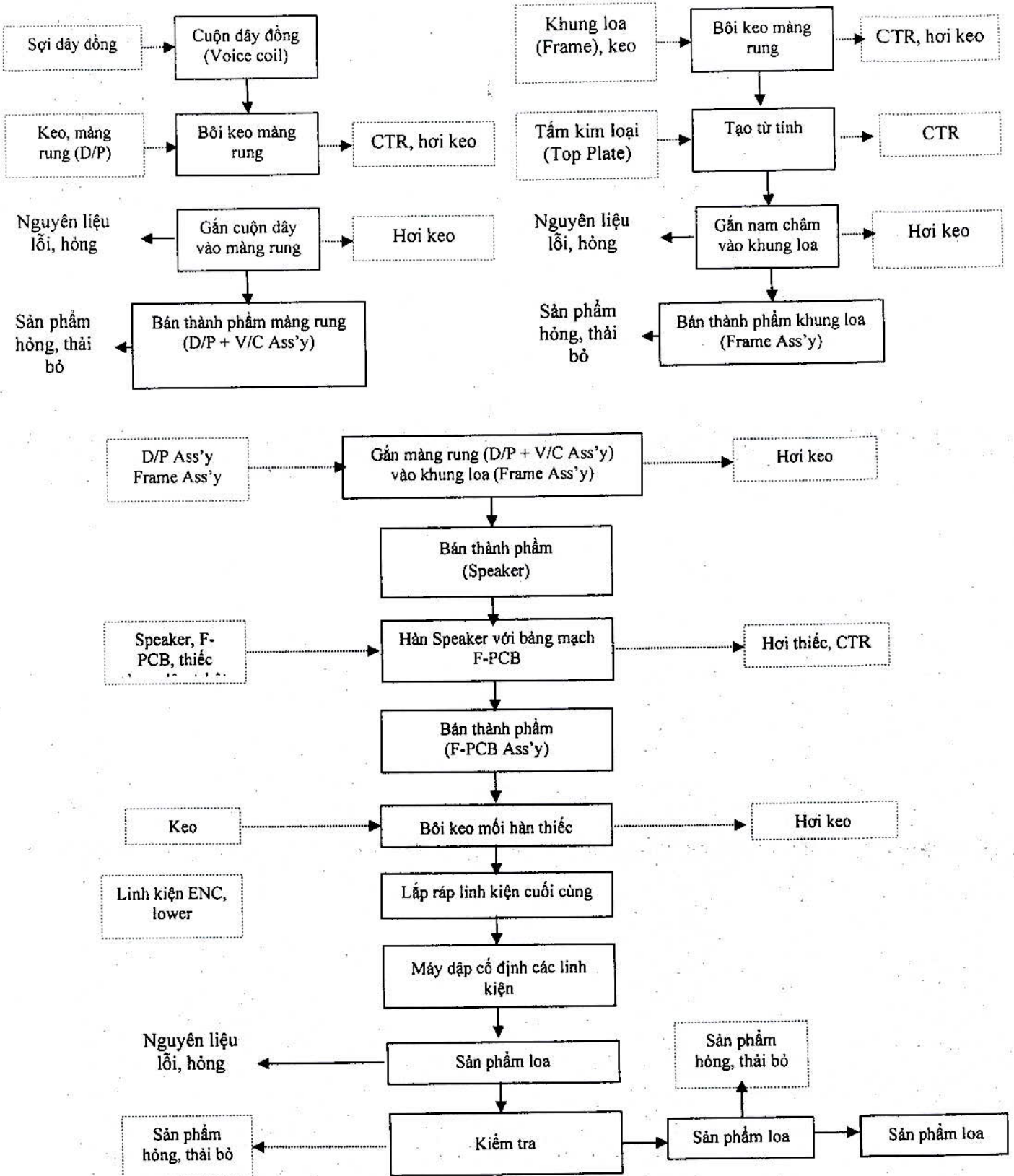
Bảng 3. Các hạng mục bảo vệ môi trường

| TT | Hạng mục công trình | Đơn vị | Kích thước |
|----|--|----------------|------------|
| 1 | Hệ thống thu gom nước thải UPVC200 | m | 681,5 |
| 2 | Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn D400 | m | 1.336 |
| 3 | Hố ga thăm thu nước mưa trong hệ thống thu gom nước thải | hố | 55 |
| 4 | Bể tự hoại | m ³ | 5x18 |
| 5 | Bể tách dầu | m ³ | 1x40 |
| 6 | Hệ thống xử lý nước thải tập trung 300m ³ /ngày.đêm | m ² | 216,72 |
| 7 | Kho chất thải rắn thông thường (3 ngăn lưu giữ chất thải sản xuất, chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế) | m ² | 3x27,16 |
| 8 | Kho chất thải nguy hại | m ² | 1x27,16 |
| 9 | Hệ thống thông gió nhà xưởng | cái | 10 |

1.4.2. Công suất sản xuất

- + Sản xuất đầu thu micro: 120 triệu sản phẩm/năm;
- + Sản xuất loa micro: 50 triệu sản phẩm/năm;
- + Sản xuất mô tơ: 50 triệu sản phẩm/năm.

1.4.3. Quy trình sản xuất của nhà máy



Hình 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của nhà máy

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 4. Các tác động môi trường chính của dự án

| TT | Nguồn gây ô nhiễm | Các loại chất thải | Thành phần |
|------------------------------|--|---|--|
| I Giai đoạn xây dựng | | | |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động xây dựng: + Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; + Thi công xây dựng các hạng mục công trình chính và các công trình hạ tầng kỹ thuật; + Nước rửa xe, máy móc, dụng cụ xây dựng, nước thải thi công; - Hoạt động di dời nhà máy cũ: tháo dỡ và vận chuyển máy móc, thiết bị nhà máy cũ sang nhà máy mới. | <ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; - Chất thải thi công, chất thải nguy hại; - Nước thải thi công, nước mưa chảy tràn. | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra các loại khí thải: SO_x, CO_x, NO_x, VOC, C_nH_m,...; - Bụi; - Chất thải rắn: đất, bùn thải, rơi vãi vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi, xi măng,...), chất thải nguy hại; - Nước thải: chứa nhiều cặn lơ lửng (đất, cát,...), dầu mỡ,... |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động xây dựng: sinh hoạt của công nhân thi công; - Hoạt động di dời nhà máy cũ: sinh hoạt của công nhân tháo dỡ. | <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải; - Chất thải rắn. | <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải chứa chất hữu cơ dễ phân hủy, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh; - Chất thải rắn: thực phẩm thừa, giấy loại, túi bóng,... |
| B Giai đoạn hoạt động | | | |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sản xuất; - Hoạt động phương tiện vận chuyển, máy phát điện,... - Hoạt động sửa chữa, thay thế phụ tùng các loại máy móc, thiết bị. | <ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, tiếng ồn; - Chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; - Nước mưa chảy tràn. | <ul style="list-style-type: none"> - Hơi keo từ các công đoạn sử dụng keo, khí thải hàn thiếc,....; - Khí thải: các khí CO, SO₂, NO_x, VOC,... từ khu vực nhà ăn, máy phát điện, khu vực lưu giữ rác thải, khu xử lý nước thải của nhà máy; - Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển: SO_x, CO_x, NO_x, VOC, C_nH_m,..., tiếng ồn; - Chất thải rắn sản xuất: bao bì đựng nguyên liệu không dính chất thải nguy |

| TT | Nguồn gây ô nhiễm | Các loại chất thải | Thành phần |
|----|-------------------------|----------------------------------|--|
| | | | hại thải, nilon, giấy vụn, dụng cụ bảo hộ lao động không dính chất thải nguy hại thải bỏ, bùn nạo vét từ hệ thống xử lý nước thải,...; - Chất thải nguy hại: giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ máy thải, dung môi thải, thùng đựng dung môi, mực in, các linh kiện điện tử thải bỏ, dây truyền nhiệt, túi lọc khí thải,... - Nước mưa chảy tràn. |
| 2 | Sinh hoạt của công nhân | - Nước thải; - Chất thải rắn. | - Nước thải chứa chất hữu cơ dễ phân hủy, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh,...; - Chất thải rắn: thực phẩm thừa, giấy loại, túi bóng,... |

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân tại dự án:

+ Lượng phát sinh: 6,4 m³/ngày;

+ Thành phần, tính chất: chứa các chất các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

- Nước thải thi công:

+ Lượng phát sinh: 2 m³/ngày;

+ Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng và có độ pH cao.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng phát sinh: 0,05 m³/s (lượng phát sinh lớn nhất/ngày.đêm);

+ Thành phần, tính chất: nước mưa chảy tràn qua dự án chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi,... do hoạt động thi công chưa được dọn dẹp, thiết bị thi công.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

Hoạt di dời nhà máy cũ chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân tháo dỡ, di dời nhà máy cũ:

- + Lượng phát sinh: $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$;
- + Thành phần, tính chất: chứa các chất các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Lượng phát sinh: $126 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;
 - + Thành phần, tính chất: chứa các chất các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...
- Nước mưa chảy tràn:
 - + Lượng phát sinh: $0,05 \text{ m}^3/\text{s}$ (lượng phát sinh lớn nhất/ngày.đêm);
 - + Thành phần, tính chất: trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi từ phương tiện vận tải ra vào dự án, máy móc hoạt động trong khuôn viên dự án,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Nguồn phát sinh:
 - + Bụi từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu thi công;
 - + Bụi từ quá trình thi công xây dựng bao gồm nồng độ bụi do quá trình đào hố móng và thi công;
 - + Khí thải từ hoạt động của máy móc trên công trường, phương tiện vận chuyển, công đoạn hàn,...
- Thành phần, tính chất: bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng có thành phần chủ yếu là bụi và các loại khí thải như CO, SO₂, NO₂,...

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Nguồn phát sinh:
 - + Bụi từ quá trình tháo dỡ các máy móc, thiết bị;
 - + Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị từ nhà máy cũ sang nhà máy mới.
- Thành phần, tính chất: chủ yếu là bụi và các loại khí thải như CO, SO₂, NO₂,...

2.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Từ khu vực sản xuất:

+ Hợp chất hữu cơ bay hơi, hơi keo: phát sinh các hợp chất hữu cơ bay hơi như DMC, alcohol, ...;

+ Khí thải, hơi thiếc phát sinh từ quá trình hàn thiếc: khói hàn được hình thành chính từ sự bay hơi của kim loại nóng chảy.

- Từ khu vực khác:

+ Mùi và khí thải từ hệ thống xử lý nước thải: từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ như CH_4 , NH_3 , H_2S , CO_2 , ...;

+ Mùi và khí thải từ khu vực lưu giữ chất thải rắn: phát sinh các khí gây mùi khó chịu chủ yếu là NH_3 , H_2S , ... từ việc phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ có trong rác sinh hoạt;

+ Mùi và khí thải từ nhà ăn, nhà bếp: nếu không thu gom và vận chuyển xử lý kịp thời sẽ phát sinh các khí thải như CH_4 , CO_2 , NH_3 , ... gây mùi khó chịu và ảnh hưởng đến sức khỏe của con người;

+ Bụi và khí thải máy phát điện;

+ Bụi lơ lửng (TSP) và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ gồm SO_2 , NO_x , CO , VOC , ...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng phát sinh: 40 kg/ngày;

- Thành phần, tính chất: chủ yếu là các chất hữu cơ (bao gồm rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, vải vụn, ...) và các chất vô cơ (bao gồm túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại, ...).

* Chất thải rắn thi công:

- Lượng phát sinh:

+ Khối lượng đất đào móng công trình, rãnh thoát nước, đường giao thông, ... với tổng khối lượng là 17.012 m^3 ;

+ Chất thải rắn xây dựng: 84,76 kg/ngày.

- Thành phần, tính chất: đất thải, bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn, ...

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Khối lượng phát sinh: 10 kg/ngày;

+ Thành phần, tính chất: chủ yếu là các chất hữu cơ (bao gồm rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, vải vụn,...) và các chất vô cơ (bao gồm túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...).

- Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ máy móc, thiết bị:

+ Khối lượng phát sinh: 40 kg/ngày;

+ Thành phần, tính chất: chủ yếu là giấy, thùng carton, bao bì, gỗ thải,...

2.4.2. Giai đoạn hoạt động

a. Chất thải sinh hoạt:

- Lượng phát sinh: 1.000 kg/ngày;

- Thành phần, tính chất: gồm thực phẩm thừa, vỏ hoa quả, túi nilon,... từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy.

b. Chất thải sản xuất:

- Chất thải sản xuất:

+ Lượng phát sinh: 14.250 kg/tháng;

+ Thành phần, tính chất: giấy photo, bìa catton, tài liệu thải bỏ, thùng bìa carton, bao bì không dính chất thải nguy hại, pallet gỗ hỏng, dụng cụ bảo hộ lao động không dính chất thải nguy hại thải bỏ, sản phẩm nguyên liệu lỗi,...

- Chất thải khác: bùn nạo vét bùn từ hệ thống xử lý nước thải ước tính khối lượng 0,5 tấn/năm/lần nạo vét.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Lượng phát sinh: 5 kg/tháng;

- Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, thùng sơn, bóng đèn neon sau sử dụng,...

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Lượng phát sinh: 0,4 kg/ngày;

- Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, thùng sơn, bóng đèn neon sau sử dụng,...

2.5.2. Giai đoạn hoạt động

- Lượng phát sinh: 117,65 kg/tháng;

- Thành phần, tính chất: cadimi (từ pin, ắc quy), bóng đèn neon sau sử dụng, mực in thải bỏ, giẻ dính dầu, bao bì cứng bằng kim loại, thiết bị, linh kiện điện tử thải, túi lọc khí thải,...

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

2.6.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Tiếng ồn: phát sinh có khả năng gây tác động đến môi trường chủ yếu từ hoạt động xây dựng bao gồm hoạt động của các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công (máy xúc, máy trộn bê tông,...);

- Độ rung: có khả năng gây tác động tới môi trường chủ yếu là ở giai đoạn xây dựng.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

Tiếng ồn: phát sinh từ hoạt động tháo dỡ các máy móc, thiết bị và vận chuyển máy móc từ nhà máy cũ sang nhà máy mới.

2.6.2. Giai đoạn hoạt động

Máy phát điện, phương tiện ra vào nhà máy, hệ thống thông gió của nhà máy: trong quá trình hoạt động phát sinh tiếng ồn đáng kể.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Giảm thiểu tác động từ nước thải sinh hoạt:

+ Ưu tiên sử dụng công nhân địa phương, tự túc chỗ ăn ở địa phương. Tại công trường chỉ bố trí lượng công nhân vừa đủ để trông coi công trình;

+ Thuê 02 nhà vệ sinh di động. Nhà vệ sinh được đặt cách xa nguồn nước sử dụng, vị trí đặt nhà vệ sinh di động đặt gần lán trại tạm thời của khu vực thực hiện dự án. Chất thải từ nhà vệ sinh di động được thu gom theo hợp đồng kinh tế với đơn vị có chức năng để hút, xử lý định kỳ 01 tháng/02 lần hoặc khi cần thiết.

- Giảm thiểu nước mưa chảy tràn:

+ Sau khi san gạt tạo mặt bằng cho dự án, tiến hành xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và định hướng dòng chảy ngay từ giai đoạn đầu của quá trình thi công xây dựng để đảm bảo vấn đề tiêu thoát nước bề mặt, không gây nên tình trạng ngập úng cục bộ, đồng thời để hạn chế lượng nước mưa chảy tràn kéo theo các chất bẩn trong khu vực gây ô nhiễm nguồn nước mặt;

+ Tạo các mương, rãnh tạm để tiêu thoát nước mưa chảy tràn;

+ Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu nhằm giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn. Dầu mỡ sử dụng cho phương tiện thi công và dầu mỡ thải từ các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị phục vụ thi công được quản lý chặt chẽ, để ở nơi có mái che, cách xa nguồn nước;

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc nghẽn đường thoát nước thải;

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông cống rãnh nhằm giảm thiểu phế thải xây dựng xâm nhập vào mương thoát nước gây tắc nghẽn;

+ Nghiêm cấm vứt rác bừa bãi, che chắn nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các công trình của dự án.

- Nước thải từ quá trình thi công: thu gom bằng rãnh thoát nước tạm về hố lắng xây dựng dung tích 2,0 m³ bố trí tại cống chính tiếp giáp với đường quy hoạch 24m về phía Tây. Trước cửa thu vào bể lắng đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

Công nhân sử dụng nhà vệ sinh đã có tại nhà máy cũ. Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý tại các bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đã có tại nhà máy cũ.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vệ sinh toàn bộ khu vực nhà máy cuối mỗi ngày làm việc đảm bảo luôn luôn sạch sẽ;

+ Nhà máy xây lắp hệ thống thoát nước mưa chảy tràn bao gồm các ống nhựa PVC thu gom nước mưa từ các mái nhà của công trình, cống hộp bê tông cốt thép D400 dài 1.336,0 m và 55 hố ga dọc 2 bên đường giao thông nội bộ. Toàn bộ nước mặt được thu gom vào các cống thoát nước mặt của nhà máy. Sau đó được đầu nối tại 02 điểm: 01 điểm tại cống chính nhà máy dọc mương thoát nước mặt phường Vinh Tân về phía Nam chảy ra mương thoát nước phía Đông và 01 điểm tại cống phụ nhà máy dọc mương thoát nước mặt phường Vinh Tân phía Tây dự án. Nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Rào Màng cách dự án 200m về phía Bắc dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ để tách vớt dầu mỡ, nước được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại đặt dưới móng mỗi công trình;

+ Nước rửa tay của công nhân sau ăn ca và vệ sinh cá nhân đều được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Sau đó, toàn bộ nước thải theo mương thoát nước nội bộ bằng đường ống UPVC200 dài 681,5m và 32 hố ga có kích thước 1x1x1,2 m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A và đầu nối vào mương thoát nước mặt phục vụ mục

dịch tưới tiêu thủy lợi của phường Vinh Tân về phía Nam theo mương thoát nước mặt chảy về sông Rào Màng cách dự án 200m về phía Bắc;

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày được xây dựng trên khu đất 126,72 m² ở phía Nam khu dự án;

+ Thường xuyên bổ sung men vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại: định kỳ 03 tháng/lần bổ sung vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý và 01 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút bùn;

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại bể thu gom nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Giảm thiểu bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển:

+ Ngăn ngừa và kiểm soát được các nguy cơ gây mất an toàn giao thông do vật liệu rơi vãi gây trơn trượt trên Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Vinh, các đường địa phương được sử dụng để vận chuyển chất thải;

+ Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển vật liệu thi công đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam;

+ Che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép;

+ Lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp, tránh xung đột, va chạm;

+ Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý: hạn chế vận chuyển trong giờ cao điểm từ 6 ÷ 8h và 16 ÷ 18h;

+ Che chắn trong quá trình vận chuyển: sử dụng xe có nắp hoặc sử dụng bạt để che chắn tránh làm rơi vãi đất xuống đường;

+ Vệ sinh, làm sạch: chất thải rơi vãi được thu dọn và làm sạch ngay, bảo đảm không trơn trượt khi trời mưa và không gây mất an toàn.

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại công trường:

+ Chỉ sử dụng các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường;

+ Bố trí thời gian thi công phù hợp, che chắn khu vực thi công;

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho lực lượng thi công;

+ Tổ chức phun nước tạo độ ẩm nền đất hàng ngày với thời gian 04 giờ/lần tại các vị trí có tổ chức thi công đào đắp, xây dựng tuyến đường;

+ Hàng ngày tổ chức vệ sinh, thu gom toàn bộ đất rơi vãi trên công trường;

+ Lập hàng rào tôn phía Đông và phía Bắc có tiếp giáp khu dân cư;

+ Phủ lưới chống bụi khi xây nhà 02 tầng;

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Vệ sinh máy móc, thiết bị trước khi thực hiện tháo dỡ, di dời;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tháo dỡ máy móc, thiết bị;

- Bố trí người quét dọn, thu gom, xử lý bụi, chất thải phát sinh từ quá trình tháo dỡ máy móc, thiết bị và vận chuyển sang nhà máy mới;

- Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam;

- Che phủ bạt kín khi vận chuyển, không chở quá tải trọng cho phép.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Bụi, khí thải từ phân xưởng sản xuất:

+ Đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ và khép kín;

+ Đối với khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất sẽ được xử lý ngay tại nguồn phát sinh. Hệ thống xử lý khí thải được lắp đặt đồng bộ cùng với máy móc sản xuất bằng các chụp hút, đảm bảo xử lý đạt giới hạn cho phép trước khi xả ra ngoài;

Khí thải tại các vị trí phát sinh sẽ được thu gom bằng chụp hút dẫn xuống từng vị trí phát sinh, qua các ống dẫn đến túi lọc nhờ quạt hút ly tâm. Hơi khí thải được giữ lại trên bề mặt vật liệu bằng lực liên kết phân tử và liên kết hidro. Túi lọc có khả năng hấp phụ cao, có tác dụng khử mùi, hấp phụ các hơi hữu cơ, hơi nhựa thông, các khí thải khác,... Hiệu quả xử lý đạt 95% - 98%. Khí sạch được thoát ra ngoài môi trường;

+ Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên của nhà máy theo quy định bao gồm: khẩu trang, găng tay, giày, giám sát, nhắc nhở việc sử dụng dụng cụ bảo hộ trong quá trình làm việc phù hợp với từng khu vực sản xuất;

+ Thông gió: sử dụng hệ thống quạt hút gió công nghiệp có công suất lớn tại các nhà xưởng sản xuất. Lắp đặt 04 quạt hút $Q = 7.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$ trong khu vực 02 nhà xưởng và 04 quạt hút ($Q = 7.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$ và $Q = 2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$) tại 04 nhà vệ sinh của 02 nhà xưởng;

+ Lắp đặt 02 quạt hút $Q = 35.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ và $Q = 30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ tại khu vực nhà ở công nhân;

+ Vệ sinh máy móc, thiết bị sau mỗi ca sản xuất, thu hồi lượng bụi rơi vãi quanh khu vực phát sinh thường xuyên cũng như nhà xưởng sản xuất;

+ Khuyến khích cán bộ công nhân nhà máy sử dụng khẩu trang và các thiết bị bảo hộ cần thiết tại những nơi phát sinh lượng bụi lớn.

- Đối với khí thải của máy phát điện:

+ Phòng máy phát điện được thiết kế cao, rộng, thoáng và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý so với cơ sở sản xuất chính;

+ Trang bị các bộ phận giảm ồn, giảm rung, hạn chế tối đa lượng khói thải ô nhiễm.

- Đối với mùi từ khu vực tập kết chất thải sinh hoạt, nhà bếp: bố trí lưu giữ rác thải tại nhà máy theo đúng quy định tại khu vực kho chứa rác thải đã xây dựng. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định;

- Đối với mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Các bể xử lý nước thải được thiết kế ngầm, kín, có hệ thống thu khí;

+ Nạo vét mương thoát nước định kỳ, không để ứ đọng bùn đất, phân hủy chất hữu cơ trong cống thoát.

- Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải giao thông:

+ Lập kế hoạch điều động xe chở nguyên vật liệu ra vào khu vực bốc dỡ, kho bãi hợp lý, khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các phương tiện vận chuyển nhằm tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ gây cháy nổ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải thi công chủ yếu là đất đá loại, vữa bê tông thừa,... tận dụng san nền tại các công trình dân dụng;

+ Chất thải từ quá trình đào đắp được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi đổ thải tại bãi tập kết rác thải xây dựng;

+ Vật liệu xây dựng rơi vãi như: xi măng, đất, cát rơi vãi được hạn chế phát sinh, đối với quá trình thi công được lót lớp vải bạt hoặc bì xi măng để thu gom, tái sử dụng trong các mẻ vữa sau;

+ Ván, cột gỗ phục vụ xây dựng sau khi hoàn thành công trình được thu gom và bảo quản để sử dụng lại cho các công trình khác;

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... được thu gom về khu lán trại và định kỳ vận chuyển ra bán phế liệu;

+ Chất thải rắn như đầu mẩu cốt pha, tre mét,... được thu gom tập trung về khu lán trại định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải sinh hoạt:

+ Bố trí 02 thùng lưu giữ chất thải sinh hoạt màu trắng và màu xanh tại công trường với dung tích 100 lít/thùng, cụ thể: chất thải có khả năng tái chế như kim loại, nhựa, bìa carton,... thu gom vào thùng trắng để bán phế liệu; các chất thải không có khả năng tái chế thu gom vào thùng rác màu xanh;

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương vận chuyển vào cuối mỗi ngày làm việc;

+ Ưu tiên công nhân địa phương để giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt và hạn chế công nhân ở lại trong công trường;

+ Phổ biến cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại: được thu gom vào 02 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải và tập kết tại kho riêng, diện tích khoảng 5 m² có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại tại công trường, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Chất thải rắn:

+ Phân loại, thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh;

+ Chất thải rắn tái chế: thu gom và bán phế liệu;

+ Chất thải rắn không có khả năng tái chế: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải nguy hại: phân loại, thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và tập kết vào kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy cũ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Xây dựng kho chứa chất thải có diện tích rộng khoảng 108,64 m² và được chia thành 04 ngăn riêng biệt bao gồm: ngăn chứa rác thải sinh hoạt 27,16m², ngăn chứa chất thải sản xuất 27,16m², ngăn chứa chất thải tái chế 27,16m², ngăn chứa chất thải nguy hại 27,16m². Kho lưu giữ chất thải có kết cấu theo đúng quy định như: có mái che, tường bao kín, nền chống thấm, có biển báo rõ ràng theo từng loại nguồn thải,...

- Tiến hành phân loại rác thải ngay tại nguồn;

- Đối với chất thải sinh hoạt:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và tập kết tại ngăn chứa chất thải rắn thông thường có diện tích rộng khoảng 27,16 m² (trong kho bố trí 03 thùng đựng composite dung tích mỗi thùng 100l);

+ Giao nhiệm vụ cho tổ dọn vệ sinh của công ty có trách nhiệm thu gom, phân loại và tập kết về khu lưu giữ tạm thời theo đúng quy định công ty ban hành;

+ Tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định;

- Đối với chất thải sản xuất:

+ Nhập nguyên liệu đảm bảo chất lượng tốt;

+ Sử dụng công nhân có tay nghề cao;

+ Lưu giữ dung môi bằng thùng đậy nắp kín;

+ Chất thải được thu gom và tập kết về 02 ngăn lưu giữ chất thải rắn sản xuất của nhà máy (01 ngăn diện tích 27,16 m² bố trí 05 thùng đựng composite chứa chất thải rắn sản xuất; 01 ngăn diện tích 27,16 m² chứa chất thải tái chế);

+ Đối với các chất thải có khả năng tái chế như bao bì, gỗ,... Công ty sẽ bán cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển;

+ Đối với các chất thải không có khả năng tái chế, Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp theo đúng quy định;

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: định kỳ 01 lần/năm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hợp đồng hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với rác thải nguy hại:

+ Phân loại chất thải nguy hại ngay tại nguồn thải, không để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau hoặc với các loại chất thải khác;

+ Chất thải nguy hại phát sinh được tập kết, lưu giữ hợp lý tại 03 thùng Composite dung tích 50 lít và đặt ở ngăn lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 27,16 m² (được xây bằng bê tông, có lán nền, có mái che bằng tôn, cửa khóa, biển báo, có gờ chắn đảo bảo không để chất thải tràn ra ngoài). Chủ dự án sẽ

đăng ký danh mục quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.4.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng lúc các công đoạn có phát ra tiếng ồn lớn. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 ÷ 13h30 và ban đêm từ 21h ÷ 5h sáng hôm sau;

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho một số máy móc, thiết bị cần thiết nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên;

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn;

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như máy trộn bê tông, xe ủi,...

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Bố trí thời gian tháo dỡ máy móc, thiết bị hợp lý. Hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị tháo dỡ cùng lúc các công đoạn có phát ra tiếng ồn lớn;

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân phục vụ tháo dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động

- Nhân viên bảo vệ hướng dẫn và nhắc nhở người điều khiển phương tiện giao thông giảm tốc độ, không sử dụng còi nhằm giảm độ rung và tiếng ồn do các phương tiện giao thông gây ra;

- Giảm thiểu tiếng ồn trong sản xuất;

- Đặt máy phát điện cách ly với khu vực công cộng, xung quanh được bao bọc.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.5.1. Giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Xây dựng nội quy, quy chế và bắt buộc công nhân trên công trường phải thực hiện nghiêm túc;
- Bố trí đường vận chuyển hợp lý, có rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm;
- Quy định tốc độ tối đa đối với phương tiện vận chuyển, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án;
- Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị thi công phải qua đào tạo, thực hành theo các nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật;
- Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gàn khu vực cấm lửa, khu vực có xăng dầu, thiết bị, máy móc;
- Tuân thủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng;
- Thiết kế thiết bị tự động ngắt điện cầu dao tổng;
- Cấm biển báo nhắc nhở công trình đang thi công;
- Nếu để xảy ra sự cố, nhanh chóng liên hệ với các cơ quan quản lý công trình để khắc phục sự cố, đảm bảo hoạt động của các công trình phục vụ đời sống và sinh hoạt cho nhân dân.

b. Hoạt động di dời nhà máy cũ

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tháo dỡ máy móc, thiết bị;
- Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gàn khu vực cấm lửa, khu vực có thiết bị, máy móc;
- Quy định tốc độ tối đa đối với phương tiện vận chuyển thiết bị, máy móc;
- Ngắt các nguồn điện, thiết kế thiết bị tự động ngắt điện cầu dao tổng.

3.5.2. Giai đoạn hoạt động

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành;
- Khi gặp các rủi ro do thiên tai (như mưa bão, lũ quét, áp thấp nhiệt đới): thành lập và duy trì có hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết;
- Thiết bị trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra và đăng ký sử dụng;
- Vận hành mỗi loại thiết bị, máy móc đều tuân thủ nghiêm các nguyên tắc của nhà sản xuất;

- Lắp đặt các hệ thống thu sét bao gồm thu lôi và hệ thống tiếp địa;
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Bảng 5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

| TT | Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án | Yêu cầu vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động | Yêu cầu xác nhận hoàn thành |
|----|---|--|-----------------------------|
| 1 | Quạt thông gió | Không | Có |
| 2 | Thùng chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại. | Không | Có |
| 3 | Kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại | Không | Có |
| 4 | Hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa dài 1.336 m | Không | Có |
| 5 | Mương thoát nước thải sinh hoạt dài 681,5 m | Không | Có |
| 6 | Bể tự hoại, bể tách dầu | Không | Có |
| 7 | Hệ thống xử lý nước thải tập trung 300 m ³ /ngày.đêm | Có | Có |

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí

- Thông số: bụi TSP, tiếng ồn;
- Vị trí: 02 vị trí
 - + 01 vị trí trong phạm vi khu vực xây dựng;
 - + 01 vị trí tại khu dân cư phía Bắc.
- Tần suất: 03 tháng/1 lần trong giai đoạn thi công;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát nước thải

- Thông số: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng;
- Vị trí: 01 vị trí tại điểm xả thải sau hồ lắng thi công;
- Tần suất: 03 tháng/1 lần trong giai đoạn thi công;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c. Chương trình giám sát chất thải rắn

Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn tại các kho lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại của dự án khi có chất thải phát sinh.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt, chủ dự án tiến hành vận hành thử nghiệm. Chủ dự án phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường tiến hành lấy mẫu tổ hợp phân tích đánh giá chất lượng khí thải, nước thải. Đồng thời phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom nước thải sinh hoạt;

+ 01 vị trí đầu ra tại điểm xả sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm.

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Coliform, Cu, Fe, Zn, Pb, Cd;

- Tần suất giám sát:

+ 15 ngày/lần (trong suốt 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm);

+ 7 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn so sánh: cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3. Giai đoạn hoạt động

Trong quá trình vận hành, nhà máy tiến hành giám sát chất lượng môi trường theo những nội dung sau:

a. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom nước thải sinh hoạt;

+ 01 vị trí đầu ra tại điểm xả sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm.

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Coliform, Cu, Fe, Zn, Pb, Cd;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong thời gian hoạt động;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn so sánh: cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu dân cư phía Bắc khu vực nhà máy;

- Thông số giám sát: bụi, SO₂, CO, NO₂;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong thời gian hoạt động;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

c. Chương trình giám sát chất thải rắn

Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn tại các kho lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại của dự án khi có chất thải phát sinh./.